

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HS-ST
Ngày 06-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đình Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Bà Lành Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Năm C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 6 năm 1969 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 193, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 15A/208, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Thanh T, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Lưu Thị M, sinh năm 1932 (đã chết); có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 65/2012/HSST ngày 04-5-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Lê Năm C số tiền 10.000.000 đồng về tội Đánh bạc; tiền sự: không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-5-2022 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; trú tại: Thôn P1, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

2. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1981; trú tại: Số 7/65, đường Nguyễn Thái H, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
3. Chị Nông Thị T1, sinh năm 1992; trú tại: Số 137, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
4. Bà Phương Thị N, sinh năm 1972; trú tại: Số 76, đường Đinh Tiên H, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
5. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1963; trú tại: Tổ 01, khối 09, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
6. Bà Đàm Thị M, sinh năm 1980; trú tại: Số 98, đường G, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
7. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1965; trú tại: Số 122, đường P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
8. Bà Hà Thị L, sinh năm 1987; trú tại: Số 55/10B, đường B, phường H1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;
9. Bà Hà Thùy G1, sinh năm 1973; trú tại: Đường T4, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23-5-2022, Công an thành phố Lạng Sơn nhận được đơn tố giác về việc Lê Năm C có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành xác minh và khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Năm C, thu giữ số tiền 100.000.000 đồng để trong két sắt tại tầng 01 gồm: 01 tập hóa đơn bán lẻ có 11 tờ; 01 tờ giấy vay tiền ghi ngày 21-4-2022; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu đen, lắp sim số thuê bao 0373.833.388, ốp lưng bằng nhựa màu đen.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Năm C khai nhận: Bản thân Lê Năm C không có nghề nghiệp, công việc ổn định. Do tự tích góp được một số tiền và thấy có nhiều người có nhu cầu cần vay tiền nên Lê Năm C đã cho người khác vay tiền với hình thức bắt họ lấy lãi suất cao để có tiền tiêu xài. Hình thức cho vay bắt họ với mỗi bát là 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng/bát họ, trong vòng 50 ngày, mỗi ngày khách vay phải trả cho Lê Năm C tiền gốc là 200.000 đồng/bát họ. Người vay có thể gọi điện thoại hẹn trước hoặc trực tiếp đến chỗ ở của Lê Năm C để vay tiền, người vay không cần viết giấy vay, không cần để lại giấy tờ cá nhân, Lê Năm C ghi chép lại họ tên, địa chỉ của người vay để theo dõi và tính lãi suất nhưng không đầy đủ. Việc thanh toán tiền gốc khách vay có thể trả trực tiếp hoặc chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn (BIDV) số 35110000697941 của Lê Năm C. Đối

với các khách vay không có khả năng trả nợ trong thời hạn thì có thể đảo nợ bằng cách vay một bất hộ mới, Lê Năm C vẫn cắt lãi trước và thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc như trên, đồng thời trừ đi số tiền gốc còn nợ của khoản vay trước đó.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 7-2021 đến tháng 5-2022, Lê Năm C đã cho 09 khách vay tiền với hình thức bất hộ nêu trên, tương ứng với lãi suất 146 %/năm, gấp 7,3 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, trú tại thôn P1, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 01-2022 đến tháng 5-2022, Lê Năm C cho Nguyễn Thị T vay 07 bất hộ tương đương số tiền 70.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 14.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 1.917.808 đồng; thu lợi bất chính là 12.082.192 đồng (14.000.000 đồng - 1.917.808 đồng = 12.082.192 đồng). Nguyễn Thị T đã trả cho Lê Năm C 50.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng

2. Hoàng Thị P, sinh năm 1981, trú tại số 7/65, đường Nguyễn Thái H, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 12-2022 đến tháng 3-2022, Lê Năm C cho Hoàng Thị P vay 05 bất hộ tương đương số tiền 50.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 10.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 1.369.863 đồng; thu lợi bất chính là 8.630.137 đồng (10.000.000 đồng - 1.369.863 đồng = 8.630.137 đồng). Hoàng Thị P đã trả cho Lê Năm C 24.000.000 đồng, còn nợ 26.000.000 đồng

3. Nông Thị T1, sinh năm 1992, trú tại số 137, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 01-2022 đến tháng 4-2022, Lê Năm C cho Nông Thị T1 vay 03 bất hộ tương đương số tiền 30.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 6.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng; thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng (6.000.000 đồng - 821.918 đồng = 5.178.082 đồng). Nông Thị T1 đã trả cho Lê Năm C 20.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng

4. Phương Thị N, sinh năm 1972, trú tại số 76, đường Đinh Tiên H, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 04-3-2022, Lê Năm C cho Phương Thị N vay 01 bất hộ tương đương số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 2.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 273.973 đồng; thu lợi bất chính là 1726.027 đồng (2.000.000 đồng - 273.973 đồng = 1726.027 đồng). Phương Thị N còn nợ 2.000.000 đồng. Trần Thị T3 đã trả cho Lê Năm C 8.000.000 đồng, còn nợ 6.600.000 đồng

5. Trần Thị T3, sinh năm 1963, trú tại tổ 1, khối 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tháng 3-2022, Lê Năm C cho Trần Thị T3 vay 01 bất hộ tương đương số tiền 10.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 2.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 273.973 đồng; thu lợi bất chính là 1726.027 đồng (2.000.000 đồng - 273.973

đồng = 1726.027 đồng. Trần Thị T3 đã trả cho Lê Năm Châu 3.400.000 đồng, còn nợ 6.600.000 đồng.

6. Đàm Thị M, sinh năm 1980, trú tại số 98, đường G, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 01-2022 đến tháng 4-2022, Lê Năm C cho Đàm Thị M vay 08 bát họ tương đương số tiền 80.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 16.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 2.191.781 đồng; thu lợi bất chính là 13.808.219 đồng (16.000.000 đồng - 2.191.781 đồng = 13.808.219 đồng). Đàm Thị M đã trả cho Lê Năm Châu 60.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng

7. Nguyễn Thị P1, sinh năm 1965, trú tại số 122, đường P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 7-2021 đến tháng 12-2021, Lê Năm C cho Nguyễn Thị P1 vay 05 bát họ tương đương số tiền 50.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 10.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 1.369.863 đồng; thu lợi bất chính là 8.630.137 đồng (10.000.000 đồng - 1.369.863 đồng = 8.630.137 đồng). Nguyễn Thị P1 đã trả cho Lê Năm Châu 44.000.000 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng

8. Hà Thị L, sinh năm 1987, trú tại số 55/10B, đường B, phường H1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 12-2021 đến tháng 4-2022, Lê Năm C cho Hà Thị L vay 02 bát họ tương đương số tiền 20.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 4.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 547.945 đồng; thu lợi bất chính là 3.452.055 đồng (4.000.000 đồng - 547.945 đồng = 3.452.055 đồng). Hà Thị L đã trả cho Lê Năm Châu 18.000.000 đồng, còn nợ 2.000.000 đồng

9. Hà Thùy G1, sinh năm 1973, trú tại đường T4, phường C1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 7-2021 đến tháng 9-2021, Lê Năm C cho Hà Thùy G1 vay 04 bát họ tương đương số tiền 40.000.000 đồng, trong thời hạn 50 ngày, cắt lãi trước 8.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, Lê Năm C được hưởng tiền lãi hợp pháp là 1.095.890 đồng; thu lợi bất chính là 6.904.110 đồng (8.000.000 đồng - 1.095.890 đồng = 6.904.110 đồng). Hà Thùy G1 đã trả cho Lê Năm Châu 17.000.000 đồng, còn nợ 23.000.000 đồng

Tổng số tiền Lê Năm C đã cho các khách vay nêu trên là 360.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp mà Lê Năm C được hưởng là 9.863.014 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 62.136.986 đồng.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với bị cáo Lê Năm C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội bị cáo Lê Năm C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Năm C từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung đề nghị: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Lê Năm C số tiền 30.000.000 đồng.

- Biện pháp tư pháp:

+ Truy thu đối với bị cáo Lê Năm C số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.863.014 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà có.

+ Truy thu đối với bị cáo Lê Năm C số tiền 244.400.000 đồng các khách vay đã trả cho bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền nợ gốc vay nhưng chưa trả cho các bị cáo tổng số tiền 115.600.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội để nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Lãi bị cáo hưởng bất hợp pháp từ việc thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại tổng số tiền 62.136.986 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (*gồm tiền bị cáo thu lời bất chính tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm*).

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị xử lý như sau:

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu đen, lắp sim số thuê bao 0373.833.388, ốp lưng bằng nhựa màu đen.

Trả lại cho bị cáo số tiền 16.061.508 đồng tại tài khoản số 35110000697941 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn (BIDV), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng

thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tổng đạt các văn bản quyết định tố tụng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều có giá trị pháp lý. Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt xét thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2021 đến tháng 5-2022, Lê Năm C có hành vi cho vay lãi nặng hình thức bắt họ với lãi suất cho vay 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự, Lê Năm C cho những người vay gồm: Nguyễn Thị T, Hoàng Thị P, Nông Thị T1, Phương Thị N, Trần Thị T3, Đàm Thị M, Nguyễn Thị P1, Hà Thị L, Hà Thùy G1 với tổng số tiền 360.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 62.136.986 đồng. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội, thu lợi bất chính trong giao dịch dân sự, gây bất bình và dư luận xấu trong xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi của mình thực hiện là trái pháp luật, nhưng vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo trước đó bị xử phạt về tội Đánh bạc đến ngày bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội chưa chấp xong bản án lại tiếp tục phạm tội mới. Do đó, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, đây cũng là tình tiết xem xét khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy bị cáo có địa chỉ rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về việc khấu trừ thu nhập và thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng: Nhận thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử cho miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp

hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Ngoài ra bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy, cần xử phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền bằng mức khởi điểm của khung hình phạt bổ sung là 30.000.000 đồng theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[10] Biện pháp tư pháp:

[10.1] Tổng số tiền 62.136.986 đồng là tiền lãi bị cáo hưởng lợi bất hợp pháp từ việc thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng, thấy cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[10.2] Đối với số tiền 9.863.014 đồng là số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có. Do đó, cần truy thu đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[10.3] Đối với số tiền 244.400.000 đồng là tiền những người vay đã trả cho bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10.4] Đối với số tiền 115.600.000 đồng là tiền gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo, nên cần truy thu số tiền trên đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu đối với: Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng; Hoàng Thị P 26.000.000 đồng; Nông Thị T1 10.000.000 đồng; Phương Thị N 2.000.000 đồng; Trần Thị T3 6.600.000 đồng; Đàm Thị M 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị P1 6.000.000 đồng; Hà Thị L 2.000.000 đồng; Hà Thùy G1 23.000.000 đồng.

[11] Vật chứng gồm: Đối với số tiền 100.000.000 đồng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lê Năm C, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là chị Lê Thùy T5, sinh năm 1999 là con gái Lê Năm C. Chị Lê Thùy T5 là công nhân Công ty Samsung Display huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, từ năm 2018, mỗi tháng chị Lê Thùy T5 tiết kiệm được số tiền khoảng từ 5.000.000 đến 10.000.000 gửi ông Lê Năm C giữ hộ, ngày 05-7-2022 Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho chị Lê Thùy T5. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu đen, lắp sim số thuê bao 0373.833.388, ốp lưng bằng nhựa màu đen, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Ngày 26-4-2022, Lê Năm C cho La Thị K và Nguyễn Thị H3 mỗi người vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, không viết giấy vay, không cầm cố tài sản, Lê Năm C đã cắt lãi trước số tiền 150.000 đồng/tháng. Khoản tiền Lê Năm C cho La Thị K và Nguyễn Thị H3 vay nêu trên tương ứng với lãi suất 36,5%/năm, gấp 1,825 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự. Xác định

khoản tiền Lê Năm C cho La Thị K và Nguyễn Thị H3 vay nêu trên không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

[13] Đối với một số người vay gồm: Lã Phương A, Lý Hải Y1, Hứa Thị N, Nguyễn Thị T6, quá trình điều tra xác định Lê Năm C cho những người trên vay tiền nhưng không tính lãi xuất nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

[14] Đối với những người liên quan gồm: Phạm Thanh H, Phạm Kim D, Hoàng Văn Q không có mặt tại địa phương nên chưa xác minh làm rõ được trong vụ án này.

[15] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát luận tội bị cáo và đề nghị giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Năm C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Năm C 01 (một) năm 08 (tám) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lê Năm C cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Năm C số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Biện pháp tư pháp:

+ Truy thu đối với bị cáo Lê Năm C số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.863.014 đồng (chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu đối với bị cáo tổng số tiền 244.400.000 đồng (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền những người vay đã trả cho bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Truy thu đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền nợ gốc đã vay bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo, tổng số tiền 115.600.000 đồng (một trăm mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng; Hoàng Thị P 26.000.000 đồng; Nông Thị T1 10.000.000 đồng; Phương Thị N 2.000.000 đồng; Trần Thị T3 6.600.000 đồng; Đàm Thị M 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị P1 6.000.000 đồng; Hà Thị L 2.000.000 đồng; Hà Thùy G1 23.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo phải trả lại tổng số tiền 62.136.986 đồng (sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) để trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án sau: Nguyễn Thị T 12.082.192 đồng; Hoàng Thị P 8.630.137 đồng; Nông Thị T1 5.178.082 đồng; Phương Thị N 1.726.027 đồng; Trần Thị T3 1.726.027 đồng; Đàm Thị M 13.808.219 đồng; Nguyễn Thị P1 8.630.137 đồng; Hà Thị L 3.452.055 đồng; Hà Thùy G1 6.904.110 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về vật chứng xử lý như sau:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu đen, lắp sim số thuê bao số 0373.833.388 ốp lưng bằng nhựa màu đen.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 16.061.508 đồng (mười sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn năm trăm linh tám đồng) tại tài khoản số 35110000697941 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn (BIDV), nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án theo lệnh phong tỏa tài khoản số 12/LPT-CQĐT ngày 12-7-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

(Chi tiết vật chứng trên được ghi theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-8-2022 giữa Công an thành phố Lạng Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Năm C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi

nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA Dân sự TP. Lạng Sơn (Khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

Lương Đình Phương